TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1214/2017/DS-PT
Ngày: 27/12/2017
Về việc: Tranh chấp về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường
Các Thẩm phán: 1.Ông Lưu Trường Sanh
2.Ông Trịnh Đắc Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2017/TLPT-DS ngày 25/10/2017 về việc "Tranh chấp về hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 422/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Toà án nhân dân Quận 8 bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3305/2017/QĐXXPT-DS ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1967
Địa chỉ: 177A AB, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Cương, sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ: 248 BQ, Phường HT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Ánh S, sinh năm 1960
Địa chỉ: 14A/9 ND, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Trung Tưởng, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: 91 đường MH, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Đức C, sinh năm 1969 (có mặt)
Địa chỉ: 177A AB, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Lê Ánh S

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 01/8/2016 và biên bản hòa giải, nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Thế C trình bày:

Bà S có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi. Hai bên chơi hụi từ rất lâu nên bà D tin tưởng để cho bà S tham gia 15 dây hụi, mỗi dây 14 phần và mỗi dây hụi bà S tham gia từ 02 đến 05 phần, mỗi phần từ hai triệu đến mười triệu đồng, đóng theo tháng.

Bà S sau khi hốt xong hụi rồi không đóng lại hoặc đóng không đầy đủ nên đến ngày 10/10/2013 âm lịch thì hai bên chốt nợ bà S còn thiếu bà D là 426.350.000 đồng.

Từ ngày 10/10/2013 âm lịch bà S vẫn không thực hiện tiếp việc đóng hụi cho bà D và tránh không gặp mặt bà D nên bà D không thể chốt tiền hụi mà bà S còn thiếu. Bà D phải ứng tiền để đóng các khoản tiền hụi mà bà S không đóng cụ thể như sau:

1. Dây hụi bắt đầu từ ngày 05/02/2013 âm lịch kết thúc ngày 05/3/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 05 tháng là 250.000.000 đồng.

2. Dây hụi bắt đầu từ ngày 05/02/2013 âm lịch kết thúc ngày 05/3/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 5.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 05 tháng là 125.000.000 đồng.

3. Dây hụi bắt đầu từ ngày 05/02/2013 âm lịch kết thúc ngày 05/3/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 2.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 05 tháng là 50.000.000 đồng.

4. Dây hụi bắt đầu từ ngày 10/10/2012 âm lịch kết thúc ngày 10/11/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 02 phần, thiếu 01 tháng là 20.000.000 đồng.

5. Dây hụi bắt đầu từ ngày 10/10/2012 âm lịch kết thúc ngày 10/11/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 02 phần, thiếu 01 tháng là 20.000.000 đồng.

6. Dây hụi bắt đầu từ ngày 10/10/2012 âm lịch kết thúc ngày 10/11/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 5.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 02 phần, thiếu 01 tháng là 10.000.000 đồng.

7. Dây hụi bắt đầu từ ngày 20/3/2013 âm lịch kết thúc ngày 20/4/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 07 tháng là 350.000.000 đồng.

8. Dây hụi bắt đầu từ ngày 20/3/2013 âm lịch kết thúc ngày 20/4/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 07 tháng là 350.000.000 đồng.

9. Dây hụi bắt đầu từ ngày 20/3/2013 âm lịch kết thúc ngày 20/4/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 5.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 07 tháng là 175.000.000 đồng.

10. Dây hụi bắt đầu từ ngày 20/3/2013 âm lịch kết thúc ngày 20/4/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 2.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 07 tháng là 70.000.000 đồng.

11. Dây hụi bắt đầu từ ngày 20/3/2013 âm lịch kết thúc ngày 20/4/2014 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 2.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 07 tháng là 70.000.000 đồng.

12. Dây hụi bắt đầu từ ngày 30/11/2012 âm lịch kết thúc ngày 30/12/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 5.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 03 tháng là 75.000.000 đồng.

13. Dây hụi bắt đầu từ ngày 30/11/2012 âm lịch kết thúc ngày 30/12/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 5.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 03 tháng là 75.000.000 đồng.

14. Dây hụi bắt đầu từ ngày 30/11/2012 âm lịch kết thúc ngày 30/12/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 2.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 03 tháng là 30.000.000 đồng.

15. Dây hụi bắt đầu từ ngày 30/11/2012 âm lịch kết thúc ngày 30/12/2013 âm lịch, dây hụi có 14 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà S tham gia 05 phần, thiếu 03 tháng là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày 10/10/2013 âm lịch trở về sau cho đến ngày các dây hụi kết thúc thì bà S còn nợ tiền hụi 1.820.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà S còn thiếu bà D là 1.820.000.000 đồng + 426.350.000 đồng = 2.246.350.000 đồng.

Nay bà D yêu cầu bà S phải trả số tiền hụi còn thiếu là 2.246.350.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Ánh S ủy quyền cho ông Nguyễn Trung T đại diện trình bày:

Bà S thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi như nguyên đơn trình bày. Đến ngày 10/10/2013 âm lịch thì bà S và bà D có chốt nợ hụi, bà S còn thiếu bà D số tiền 426.350.000 đồng. Bà S chỉ đồng ý trả cho bà D 426.350.000 đồng. Thực tế khi hốt hụi xong thì bà D sẽ ghi vào sổ của bà S chữ hết chứng tỏ bà S đã thanh toán xong tiền hụi với bà D. Như vậy, bà S không còn thiếu tiền bà D ngoài khoản nợ đã chốt với bà D, nên bà S không đồng ý trả số tiền như bà D yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Đức C trình bày:

Ông là chồng của bà D, số tiền bà S thiếu bà D là tiền riêng của bà D. Ông có cùng ý kiến với bà D yêu cầu bà S phải trả cho bà D tiền hụi.

Tại bản án sơ thẩm số 422/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D.

Bà Lê Ánh S có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền còn thiếu là 2.246.350.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng bà S còn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà S phải chịu là 76.927.000 đồng.

Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.463.500 đồng theo biên lai thu số AD/2014/0001813 ngày 19/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2017, bà Lê Ánh S nộp đơn kháng cáo.

Ngày 27/9/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/9/2017 đối với Bản án số 422/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn bà Lê Ánh S ủy quyền cho ông Nguyễn Trung T đại diện yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Tấn T là chồng của bà S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định trách nhiệm của ông Tài có hay không có nghĩa vụ liên đới trong việc trả nợ hụi cho bà D.

Tòa án nhân dân Quận 8 không xem xét, đánh giá các chứng cứ do các bên đương sự cung cấp. Trong sổ theo dõi hụi của nguyên đơn không có bất kỳ chữ viết, chữ ký hay xác nhận của bị đơn, nên không thể xem là chứng cứ. Số tiền hụi còn nợ, bà S và bà D đã đối chiếu sổ sách hụi của cả hai bên và thống nhất tại bản xác nhận nợ hụi ngày 10/10/2013 âm lịch và bà D cũng xác nhận số nợ bằng cách ghi vào bản liệt kê "Chị Lê Ánh S còn nợ tiền hụi của D là 426.350.000 đồng". Nếu bà S còn nợ tiền hụi của bà D ngoài số tiền trên thì bà D có đồng ý chốt số nợ hụi hay không. Đối chiếu với chứng cứ là các sổ hụi do bà S cung cấp có chữ ký và chữ viết của bà D thì cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá, vì khi bà S đóng xong phần hụi đã hốt thì bà D sẽ ký xác nhận và ghi chữ hết vào sổ hụi của bà S.

+ Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D ủy quyền cho ông Nguyễn Thế C đại diện cho rằng, bà D thì sau khi chốt khoản nợ 426.350.000 đồng thì bà S vẫn tiếp tục chơi các dây hụi khác và đóng hụi không đầy đủ nên nợ tiếp số tiền là 1.820.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu y án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Đức C yêu cầu y án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Nguyên đơn bà D khởi kiện bị đơn bà S đòi số tiền hụi là 2.246.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh làm rõ bà S sử dụng số tiền hụi nhằm mục đích gì, không đưa chồng bà S là ông Nguyễn Tấn T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà S là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ bản liệt kê xác nhận nợ hụi ngày 10 tháng 10 và sự thừa nhận của các bên thể hiện bà S còn nợ hụi bà D là 426.350.000 đồng. Tuy nhiên, theo bà D thì sau khi chốt khoản nợ này thì bà S vẫn tiếp tục chơi các dây hụi khác và đóng hụi không đầy đủ nên nợ tiếp số tiền là 1.820.000.000 đồng. Nhận thấy, ngoài chứng cứ xác nhận số tiền 426.350.000 đồng thì không có chứng cứ nào thể hiện các bên chốt lại số tiền nợ hụi mà bà S còn thiếu là 1.820.000.000 đồng. Thời gian chốt nợ cũng chỉ ghi 10/10 mà không xác định rõ năm nào để làm căn cứ xem xét thời điểm chốt nợ. Đối với chứng cứ bà S xuất trình có ghi các khoản hụi và bên dưới có ghi chữ "Hết" thì bà D cho rằng ghi lại cho bà S nhớ là đã hốt hết dây hụi chứ không phải đã đóng đủ tiền. Đồng thời bà D cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh bà S còn nợ tiền hụi là 1.820.000.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận lời trình bày là thiếu căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà S; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 và hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D khởi kiện bị đơn bà Lê Ánh S yêu cầu bà S phải trả cho bà D số tiền 2.246.000.000 đồng do thiếu tiền hụi.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 714 quyển số 4/1996 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 02/12/1996 và lời khai của bà S và ông Tài (chồng bà S), có căn cứ xác định bà Lê Ánh S và ông Nguyễn Tấn T là quan hệ vợ chồng.

[3] Bà S kháng cáo cho rằng, bà chơi hụi để phục vụ thiết yếu sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời, trong quá trình thụ lý giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Tấn Tài có đơn đề nghị ngày 05/12/2017 trình bày, ông là chồng của bà S, quá trình tham gia chơi hụi với bà D thì bà S dùng tiền là tài sản chung của vợ chồng để đóng hụi và các khoản hốt hụi được đều phục vụ cho mục đích chung của gia đình, nên đề nghị xác định ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng: "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc các giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25

và 26 của Luật này. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".

Theo khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình: "Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".

Theo khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung của vợ chồng: "Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".

[5] Xét, bà S và ông T là vợ chồng, việc bà S tham gia chơi hụi để phục vụ thiết yếu sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời, ông T (chồng của bà S) trình bày: quá trình tham gia chơi hụi với bà D thì bà S dùng tiền là tài sản chung của vợ chồng để đóng hụi và các khoản hốt hụi được đều phục vụ cho mục đích chung của gia đình. Như vậy, ông T (là chồng của bà S) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Tấn T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận 8 để giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

[6] Lưu ý: khi thụ lý và giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần thu thập chứng cứ, đối chiếu sổ hụi của các đương sự để làm rõ số tiền 1.820.000.000 đồng với sổ hụi của các đương sự. Sau khi hốt hết các dây hụi thì ngày 10 tháng 10 (của năm nào) bà S xác nhận số nợ 426.350.000 đồng hay là bà S vẫn tiếp tục chơi các dây hụi còn lại và đóng hụi không đầy đủ, nên bà S còn nợ bà D số tiền hụi tiếp theo là 1.820.000.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà S; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 và hủy bản án sơ thẩm, là có căn cứ, nên chấp nhận.

[8] Do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, nên đối với yêu cầu về nội dung của các đương sự; kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 và phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, nên bà S không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Hủy bản án số 422/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thanh phoHofChs Minh.

Chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận 8 để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ánh S không phải chịu. Hoàn lại cho bà Lê Ánh S 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0013276 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- TAND Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.17)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường